

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31 – 7 – 2023
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thừa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Liêm

2. Bà Đoàn Thị Kim Quyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn C, sinh năm 1981; cư trú tại: Ấp N, xã H, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1987; cư trú tại: Ấp N, xã H, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phạm Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị D tự nguyện kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã H,

huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng nên thường xuyên cự cãi dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Anh và chị D đã không còn sống chung với nhau từ năm 2019 đến nay. Vì vậy, anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị D.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Phạm Đăng K (giới tính: nam), sinh ngày 02/02/2006 và Phạm Đăng N (giới tính: nam) sinh ngày 03/06/2013, các con hiện đang sống chung với anh. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu chị D cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị D đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa, anh Phạm Văn C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Thị D vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Anh Phạm Văn C và chị Nguyễn Thị D tự nguyện kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn và có yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con chung. Xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”. Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[2] Nguyên đơn anh Phạm Văn C có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn chị Nguyễn Thị D đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng tại phiên tòa vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, 228, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nhưng vẫn đảm bảo quyền, nghĩa vụ của họ theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn C và chị Nguyễn Thị D tự nguyện kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên anh C yêu cầu được ly hôn với chị D.

Anh C xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng nên giữa anh chị thường hay cự cãi dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Hai bên đã tìm cách hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không

thành, hiện tình cảm vợ chồng không còn và không thể sống chung với nhau được nữa. Căn cứ vào lời trình bày của đương sự, căn cứ vào tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, có cơ sở xác định: Quan hệ tình cảm vợ chồng giữa anh C và chị D thật sự có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Từ đó cho thấy, đời sống chung của vợ chồng anh C, chị D không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ly hôn giữa anh C và chị D.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống anh C và chị D có 02 con chung là trẻ Phạm Đăng K (giới tính: nam), sinh ngày 02/02/2006 và trẻ Phạm Đăng N (giới tính: nam) sinh ngày 03/06/2013, các con hiện đang sống chung với anh C. Xét thấy, khi vợ chồng không còn sống chung với nhau, từ năm 2009 đến nay anh C người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Hơn nữa, trẻ Phạm Đăng K và Phạm Đăng N đến nay đã trên 07 tuổi, theo ý kiến của 02 trẻ khi cha mẹ ly hôn thì có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với anh C. Vì vậy, để tạo thuận lợi cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; để đảm bảo lợi ích, sự ổn định trong cuộc sống và sự phát triển toàn diện về tâm sinh lý của trẻ; Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất giao trẻ Phạm Đăng K và Phạm Đăng N cho anh C nuôi dưỡng. Anh C không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Khi có lý do chính đáng, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi về việc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh C xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Phạm Văn C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án

phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn C đối với chị Nguyễn Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Phạm Văn C và chị Nguyễn Thị D.

2. Về con chung: Giao con chung là trẻ Phạm Đăng K (giới tính: nam), sinh ngày 02/02/2006 và trẻ Phạm Đăng N (giới tính: nam) sinh ngày 03/06/2013 cho anh Phạm Văn C được quyền nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn C không yêu cầu chị Nguyễn Thị D cấp dưỡng nuôi con. Chị Nguyễn Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Khi có lý do chính đáng, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi về việc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Phạm Văn C xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Anh Phạm Văn C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006977 lập ngày 31/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

6. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, tổng đạt theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Long Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Long Mỹ;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Thừa